

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 – 28
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	29

---



**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Áp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến tre cấp lần đầu ngày 28/11/2018. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ : 43.781.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023 : 43.781.200.000 đồng.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại : 0275.3869852

Mã số thuế : 1301064707

### **3. Ngành nghề hoạt động**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Bán buôn đồ uống.

Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn (mã ngành 4633);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ uống không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga, bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. (mã ngành 4723);

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chi tiết: Bao gồm việc sản xuất và đóng chai nước khoáng, nước tinh khiết hoặc sản phẩm tương tự. (mã ngành 1104).

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch	10/06/2023	-
Ông Phạm Đức Hải	Thành viên	10/06/2023	-
Ông Cù Anh Tuấn	Thành viên	10/06/2023	-
Ông Lê Vũ Phong	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyền	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	01/05/2021	10/06/2023

**4.2 Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Minh Hùng	Trưởng ban	06/11/2018	10/06/2023
Bà Trương Ngọc Tú	Trưởng ban	10/06/2023	-
Bà Nguyễn Chi Thảo	Thành viên	10/06/2023	-
Bà Mai Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	10/06/2023	-

**4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Vũ Phong	Giám đốc	01/01/2022	-
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	-	-
Bà Đoàn Thị Ngọc Lan	Kế toán trưởng	-	-

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này Ông Tăng Văn Hưng – Chủ tịch hội đồng quản trị.

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**TM. Ban Giám đốc**



**LÊ VŨ PHONG**

**Giám đốc**

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024.



Số: 2188/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 (từ trang 07 đến trang 29), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN số 6307-2023-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thanh Hựu (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>28.069.154.257</b>	<b>22.721.147.592</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>13.148.532.988</b>	<b>2.561.548.075</b>
111	1. Tiền		1.148.532.988	561.548.075
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	2.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>13.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	13.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.001.146.269</b>	<b>3.195.898.917</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	3.135.807.769	2.567.635.249
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	9.894.087.802	374.876.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	16.109.589	305.200.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(44.858.891)	(51.813.132)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>1.551.524.355</b>	<b>1.184.010.295</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.551.524.355	1.184.010.295
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>367.950.645</b>	<b>2.779.690.305</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	308.556.799	2.204.781.343
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		59.393.846	574.908.962
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.755.098.144</b>	<b>32.694.419.918</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.925.265.602</b>	<b>31.991.347.218</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	28.845.724.128	31.965.148.304
222	- Nguyên giá		84.910.078.501	83.332.287.310
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.064.354.373)	(51.367.139.006)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	79.541.474	26.198.914
228	- Nguyên giá		125.830.000	55.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.288.526)	(28.801.086)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.703.038.488</b>	<b>703.072.700</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	1.703.038.488	703.072.700
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.126.794.054</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.126.794.054	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>60.824.252.401</b>	<b>55.415.567.510</b>



**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thanh Hựu (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.134.668.041</b>	<b>5.378.217.141</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.134.668.041</b>	<b>5.378.217.141</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	2.192.072.005	3.059.773.405
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	1.338.232.491	520.649.502
314	4. Phải trả người lao động		877.729.046	733.657.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		340.854.745	145.716.366
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	276.136.678	216.873.416
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.109.643.076	701.546.905
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.15	<b>54.689.584.360</b>	<b>50.037.350.369</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>54.689.584.360</b>	<b>50.037.350.369</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		43.781.200.000	43.781.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.695.303.621	1.083.159.365
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.213.080.739	5.172.991.004
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.963.690.577	1.092.029.296
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.249.390.162	4.080.961.708
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>60.824.252.401</b>	<b>55.415.567.510</b>

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LE VŨ PHONG

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thanh Hưu (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	34.339.136.339	30.545.298.572
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.339.136.339	30.545.298.572
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	17.950.503.811	17.993.182.819
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.388.632.528	12.552.115.753
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	927.248.725	850.418.970
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	3.852.315.745	3.917.907.761
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	4.366.304.286	4.389.297.405
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.097.261.222	5.095.329.557
31	11. Thu nhập khác	VI.6	23.453.013	7.048.477
32	12. Chi phí khác	VI.7	3.972.372	1.005.036
40	13. Lợi nhuận khác		19.480.641	6.043.441
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.116.741.863	5.101.372.998
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	1.867.351.701	1.020.411.290
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.249.390.162	4.080.961.708
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.490	932
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.490	932

Người lập biểu

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



LÊ VŨ PHONG

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		35.657.147.699	32.502.471.433
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(26.033.923.781)	(22.386.828.077)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.737.606.848)	(7.462.983.181)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(1.070.411.290)	(688.519.140)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.523.157.036	915.878.466
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.828.107.444)	(2.695.704.881)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(489.744.628)</i>	<i>184.314.620</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(241.201.402)	(30.250.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		15.977.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	VII.1	(7.000.000.000)	(29.846.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	20.000.000.000	26.660.174.208
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		438.791.193	146.615.926
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>13.213.566.791</i>	<i>(3.069.459.866)</i>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.15d	(2.136.837.250)	(2.035.086.375)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(2.136.837.250)</i>	<i>(2.035.086.375)</i>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>10.586.984.913</b>	<b>(4.920.231.621)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>2.561.548.075</b>	<b>7.481.779.696</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>V.1</b>	<b>13.148.532.988</b>	<b>2.561.548.075</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

LÊ VŨ PHONG

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi là “Công ty”).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301064707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2018 và thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2022.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 61 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 62 người).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sinh hoạt Châu Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp);
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 9. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch, gắn đồng hồ nước, thay đồng hồ nước...)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

### 13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

*Thuế giá trị gia tăng*

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.***15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.528.235	39.995.458
Tiền gửi ngân hàng	1.129.004.753	521.552.617
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.148.532.988</b>	<b>2.561.548.075</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	<i>3.135.807.769</i>	<i>2.567.635.249</i>
Khách hàng lẻ	3.135.807.769	2.567.635.249
<b>Cộng</b>	<b>3.135.807.769</b>	<b>2.567.635.249</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>9.894.087.802</i>	<i>374.876.800</i>
- Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng TMDV Đức Anh(*)	9.818.781.574	-
- Công Ty CP Nước và Xây dựng Hoàng Long	-	313.638.000
- Các đối tượng khác	75.306.228	61.238.800
<b>Cộng</b>	<b>9.894.087.802</b>	<b>374.876.800</b>

(\*) Là khoản tiền trả trước cho hợp đồng thi công Nhà máy nước Tam Phước số 154/2023/HĐXD ngày 30 tháng 10 năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>16.109.589</b>	<b>305.200.000</b>
- Tạm ứng	-	118.000.000
- Khác	16.109.589	187.200.000
<b>Cộng</b>	<b>16.109.589</b>	<b>305.200.000</b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi***Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khách lẻ	44.858.891	51.813.132
<b>Cộng</b>	<b>44.858.891</b>	<b>51.813.132</b>

*Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51.813.132	40.417.876
Tăng trong năm	-	11.395.256
Phân bổ trong năm	(6.954.241)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.858.891</b>	<b>51.813.132</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	<b>1.551.524.355</b>	-	<b>1.184.010.295</b>	-
- Nguyên liệu, vật liệu(*)	1.501.750.229	-	1.107.369.609	-
- Công cụ, dụng cụ	49.774.126	-	60.820.686	-
- Hàng hóa	-	-	15.820.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.551.524.355</b>	-	<b>1.184.010.295</b>	-

(\*) Chủ yếu là các vật tư sửa chữa ngành nước

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa	-	1.973.083.213
- Hóa chất	211.887.500	190.115.600
- Công cụ dụng cụ	96.669.299	41.582.530
<b>Cộng</b>	<b><u>308.556.799</u></b>	<b><u>2.204.781.343</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.204.781.343	2.158.759.976
Tăng trong năm	1.416.980.767	3.099.251.680
Phân bổ trong năm	(3.313.205.311)	(3.053.230.313)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>308.556.799</u></b>	<b><u>2.204.781.343</u></b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa	1.800.629.587	-
- Khác	326.164.467	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.126.794.054</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	3.308.558.284	-
Phân bổ trong năm	(1.181.764.230)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.126.794.054</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>1. Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	15.676.438.135	4.288.195.321	63.367.653.854	83.332.287.310
Tăng trong năm	-	216.701.727	2.182.672.650	2.399.374.377
Mua trong năm	-	216.701.727	-	216.701.727
Kết chuyển từ XD/CB hoàn thành	-	-	2.182.672.650	2.182.672.650
Giảm trong năm	498.904.114	322.679.072	-	821.583.186
Thanh lý, nhượng bán	498.904.114	322.679.072	-	821.583.186
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.177.534.021</b>	<b>4.182.217.976</b>	<b>65.550.326.504</b>	<b>84.910.078.501</b>
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>13.620.515.816</i>	<i>1.260.669.410</i>	<i>15.858.291.850</i>	<i>30.739.477.076</i>
<b>2. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	14.616.320.413	2.322.323.712	34.428.494.881	51.367.139.006
Tăng trong năm	597.147.758	487.148.142	4.434.502.653	5.518.798.553
Khấu hao trong năm	597.147.758	487.148.142	4.434.502.653	5.518.798.553
Giảm trong năm	498.904.114	322.679.072	-	821.583.186
Thanh lý, nhượng bán	498.904.114	322.679.072	-	821.583.186
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.714.564.057</b>	<b>2.486.792.782</b>	<b>38.862.997.534</b>	<b>56.064.354.373</b>
<b>3. Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.060.117.722	1.965.871.609	28.939.158.973	31.965.148.304
Số cuối năm	462.969.964	1.695.425.194	26.687.328.970	28.845.724.128

**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>1. Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	55.000.000	55.000.000
Tăng trong năm	70.830.000	70.830.000
Mua trong năm	70.830.000	70.830.000
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>125.830.000</b>	<b>125.830.000</b>
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>2. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	28.801.086	28.801.086
Tăng trong năm	17.487.440	17.487.440
- Khấu hao trong năm	17.487.440	17.487.440
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>46.288.526</b>	<b>46.288.526</b>
<b>3. Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	26.198.914	26.198.914
Số cuối năm	79.541.474	79.541.474

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ/PBCP trong năm	Số cuối năm
<b>Kết chuyển vào chi phí sửa chữa</b>	<b>5.188.880</b>	<b>129.174.084</b>	<b>(134.362.964)</b>	<b>-</b>
<b>Kết chuyển vào chi phí trả trước</b>	<b>-</b>	<b>1.534.075.645</b>	<b>(1.311.915.630)</b>	<b>222.160.015</b>
- CT Di dời, cải tạo đường ống cấp nước đường 30/4, Thị Trấn Châu Thành	-	38.539.913	-	38.539.913
- CT Di dời, cải tạo đường ống cấp nước đường ĐA.03, xã Phước Thạnh	-	15.973.623	-	15.973.623
- CT Di dời, cải tạo đường ống cấp nước đường ĐX.03, xã Giao Long	-	15.123.313	-	15.123.313
- CT lắp đặt mới đường ống cấp nước HDPE D250 tại Nhà máy nước An Phước	-	79.599.628	-	79.599.628
- CT Sửa chữa, cải tạo đường ống cấp nước bờ sông Giao Hòa, xã Giao Long, huyện Châu Thành	5.188.880	72.923.538	-	72.923.538
- Hạch toán chi phí công trình Di dời và sửa chữa đường ống cấp nước trên các tuyến đường ĐX.01; ĐX.03, Xã Phú An Hòa		203.891.270	(203.891.270)	-
- Hạch toán chi phí công trình Di dời và lắp đặt mới đường ống dẫn điện trạm bơm cấp I nhà máy nước Thị Trấn		128.546.924	(128.546.924)	-
- Các công trình khác		979.477.436	(979.477.436)	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
<b>Kết chuyển vào TSCĐ</b>	<b>697.883.820</b>	<b>2.965.667.303</b>	<b>(2.182.672.650)</b>	<b>1.480.878.473</b>
- Nhà máy nước Tam Phước	657.772.709	823.105.764	-	1.480.878.473
- Đầu tư xây dựng tuyến ống HDPE D125 hai phía từ rạch UBND xã An Khánh đến vòng xoay An Khánh đoạn từ Km25+500-Km26+553 trên QL.57B	40.111.111	637.730.225	(677.841.336)	-
- Tập hợp chi phí công trình: Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D90 đường ĐX.03, ĐX.04 xã An Khánh	-	671.427.782	(671.427.782)	-
- Hạch toán chi phí công trình Đầu tư xây dựng đường ống cấp nước HDPE D90, D125 hai phía đường ĐX.01, xã Phú An Hòa	-	833.403.532	(833.403.532)	-
<b>Cộng</b>	<b>703.072.700</b>	<b>4.628.917.032</b>	<b>(3.628.951.244)</b>	<b>1.703.038.488</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	<b>2.192.072.005</b>	<b>3.059.773.405</b>
- Công Ty CP Tư vấn Xây dựng Vạn Phú Thành	575.641.328	-
- Công Ty CP HAWACO Miền Nam	485.237.080	97.848.000
- Công Ty CP Nước và Xây dựng Hoàng Long	351.086.340	-
- Công Ty TNHH SX TM Nhựa Châu Âu	254.950.756	197.482.060
- Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng – Cấp thoát nước và Môi trường Nhật Nam	143.136.050	1.618.340.454
- Công Ty CP TV - Dịch Vụ - Xây Dựng Đặng Phát	99.483.397	771.387.273
- Các nhà cung cấp khác	282.537.054	374.715.618
<b>Cộng</b>	<b>2.192.072.005</b>	<b>3.059.773.405</b>

Số dư nợ phải trả người bán quá hạn đến thời điểm 31/12/2023 là 0 đồng.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	470.411.290	-	1.867.351.701	(1.070.411.290)	1.267.351.701	-
- Thuế thu nhập cá nhân	31.310.116	-	149.530.091	(133.553.112)	47.287.095	-
- Thuế tài nguyên			144.067.500	(144.067.500)		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	20.456.100	(20.456.100)	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	18.928.096		249.032.936	(244.367.337)	23.593.695	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	52.780.943	(52.780.943)	-	
<b>Cộng</b>	<b>520.649.502</b>	<b>-</b>	<b>2.483.219.271</b>	<b>(1.665.636.282)</b>	<b>1.338.232.491</b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.116.741.863	5.101.372.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	220.016.640	683.452
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	220.016.640	683.452
Thu nhập chịu thuế	9.336.758.503	5.102.056.450
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.867.351.701</b>	<b>1.020.411.290</b>
Truy thu thuế TNDN	-	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.867.351.701</b>	<b>1.020.411.290</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<b>276.136.678</b>	<b>216.873.416</b>
- Kinh phí công đoàn	8.640.860	7.921.360
- Các khoản phải trả khác	267.495.818	208.952.056
<b>Cộng</b>	<b>276.136.678</b>	<b>216.873.416</b>

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	701.546.905	208.096.171	-	909.634.076
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	200.000.000	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>701.546.905</b>	<b>408.096.171</b>	<b>-</b>	<b>1.109.634.076</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Nhà nước (UBND tỉnh Bến Tre. Đại diện vốn nhà nước: ông Lê Vũ Phong)	33,76%	14.780.850.000	33,76%	14.780.850.000
Cù Anh Tuấn	26,74%	11.706.120.000	26,74%	11.706.120.000
CTCP DIC Môi trường. Đại diện vốn: ông Tăng Văn Hưng	18,53%	8.111.250.000	18,53%	8.111.250.000
Phạm Đức Hải	8,54%	3.738.720.000	8,54%	3.738.720.000
Nguyễn Thị Hương	2,67%	1.169.950.000	2,67%	1.169.950.000
Trương Lan Anh	2,67%	1.169.930.000	2,67%	1.169.930.000
Các cổ đông khác	7,09%	3.104.380.000	7,09%	3.104.380.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>43.781.200.000</b>	<b>100%</b>	<b>43.781.200.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
<b>Cộng</b>	<b>43.781.200.000</b>	<b>43.781.200.000</b>	<b>-</b>

**15c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.378.120	4.378.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu phổ thông	4.378.120	4.378.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**15d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 06 năm 2023 như sau:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	:	408.096.171
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	:	612.144.256
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2022	:	2.189.060.000
<b>Cộng</b>	<b>:</b>	<b>3.209.300.427</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thanh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu từ cung cấp nước thương phẩm	33.660.189.182	29.843.602.071
- Doanh thu gắn ĐHN	389.224.961	394.123.721
- Doanh thu tiền công lắp đặt	263.848.047	281.674.503
- Doanh thu khác	25.874.149	25.898.277
<b>Cộng</b>	<b>34.339.136.339</b>	<b>30.545.298.572</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp nước	15.883.997.770	16.111.827.246
- Giá vốn nhân công	1.922.438.541	1.737.726.943
- Thuế tài nguyên	144.067.500	143.628.630
<b>Cộng</b>	<b>17.950.503.811</b>	<b>17.993.182.819</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	924.326.833	848.348.120
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.921.892	2.070.850
<b>Cộng</b>	<b>927.248.725</b>	<b>850.418.970</b>

**4. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.441.839.037	2.236.054.464
- Chi phí công cụ, vật liệu	1.181.262.698	1.508.830.503
- Chi phí khấu hao	112.408.401	112.088.548
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.891.070	40.801.703
- Chi phí bằng tiền khác	81.914.539	20.132.543
<b>Cộng</b>	<b>3.852.315.745</b>	<b>3.917.907.761</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.338.886.143	3.286.834.689
- Chi phí công cụ, vật liệu	14.770.273	22.446.551
- Chi phí khấu hao	476.035.637	444.508.879
- Thuế, phí, lệ phí và chi phí thuê đất	64.280.943	22.158.883
- Chi phí dự phòng	(6.954.241)	11.395.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.886.295	348.756.449
- Chi phí bằng tiền khác	203.490.754	253.196.698
<b>Cộng</b>	<b>4.366.304.286</b>	<b>4.389.297.405</b>

**6. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản dư	23.453.013	7.048.477
<b>Cộng</b>	<b>23.453.013</b>	<b>7.048.477</b>

**7. Chi phí khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Khách hàng chuyển khoản thiếu	3.972.372	1.005.036
<b>Cộng</b>	<b>3.972.372</b>	<b>1.005.036</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.249.390.162	4.080.961.708
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	724.939.016	408.096.171
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	724.939.016	408.096.171
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.524.451.146	3.672.865.537
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.378.120	4.203.176
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.490</b>	<b>874</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.490</b>	<b>874</b>

<sup>(\*)</sup>Năm nay tạm trích theo tỷ lệ 10% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 06 năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 06 năm 2023 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 932 VND xuống 874 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	6.692.168.688	4.982.176.756
- Chi phí nhân công	10.239.086.802	9.557.099.796
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.960.900.728	7.756.912.263
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	797.943.627	776.428.237
- Chi phí bằng tiền khác	181.086.552	2.754.134.939
<b>Cộng</b>	<b>24.871.186.397</b>	<b>25.826.751.991</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)****1. Tiền chi vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi gửi tiết kiệm trên 03 tháng cho vay	(7.000.000.000)	(29.846.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>(29.846.000.000)</b>

**2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng	20.000.000.000	26.660.174.208
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>26.660.174.208</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập từ tiền lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành trong kỳ:**

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Tăng Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	505.966.350	484.588.638
Ông Lê Vũ Phong	TV HĐQT kiêm Giám đốc	367.351.155	306.165.444
Bà Ngô Thị Cẩm Lý	Phó Giám đốc	473.300.822	377.932.330
<b>Cộng</b>		<b>1.346.618.327</b>	<b>1.168.686.412</b>

**Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành trong năm**

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Cù Anh Tuấn	TV HĐQT	89.500.000	60.000.000
Ông Phạm Đức Hải	TV HĐQT	89.500.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	TV HĐQT	36.000.000	60.000.000
<b>Cộng</b>		<b>215.000.000</b>	<b>180.000.000</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty không có số dư với các bên có liên quan với Công ty và trong năm không phát sinh giao dịch với các bên liên quan này.

**3. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 31/12/2023.

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hữu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



**ĐOÀN THỊ NGỌC LAN**

**ĐOÀN THỊ NGỌC LAN**

**LÊ VŨ PHONG**

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hựu (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08), xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	41.696.450.000	649.881.881	5.983.730.936	48.330.062.817
2. Tăng trong năm trước	2.084.750.000	433.277.484	4.080.961.708	6.598.989.192
- Lợi nhuận tăng	-	433.277.484	4.080.961.708	4.514.239.192
3. Giảm trong năm trước	-	-	(4.891.701.640)	(4.891.701.640)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(433.277.484)	(433.277.484)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(288.851.656)	(288.851.656)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(4.169.572.500)	(4.169.572.500)
5. Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	43.781.200.000	1.083.159.365	5.172.991.004	50.037.350.369
6. Tăng trong năm này	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
- Lợi nhuận tăng	-	612.144.256	7.249.390.162	7.861.534.418
7. Giảm trong năm này	-	-	(3.209.300.427)	(3.209.300.427)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(612.144.256)	(612.144.256)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	(408.096.171)	(408.096.171)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
- Trích cổ tức phải trả	-	-	(2.189.060.000)	(2.189.060.000)
8. Số dư cuối năm nay	43.781.200.000	1.695.303.621	9.213.080.739	54.689.584.360

Người lập biểu



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Kế toán trưởng



ĐOÀN THỊ NGỌC LAN

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Giám đốc




LÊ VŨ PHONG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính